

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT HOÀNG CẦU
ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề thi có 04 trang)

ĐỀ THI HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2023-2024
Môn: ĐỊA LÝ – KHỐI 12

Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

MÃ ĐỀ 003

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:Lớp:.....Phòng thi:.....

Câu 1. Nước ta không có nhiều hoang mạc như các nước cùng vĩ độ ở Tây Á do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Tiếp giáp Biển Đông và lãnh thổ hẹp ngang, kéo dài. B. Nằm trên đường di cư của các luồng sinh vật.
C. Nằm ở trung tâm khu vực Đông Nam Á. D. Nằm trong khu vực nội chí tuyến bán cầu Bắc.

Câu 2. Đặc điểm nào sau đây không đúng với dân cư nước ta?

- A. Dân số đông, nhiều thành phần dân tộc.
B. Gia tăng dân số giảm, cơ cấu dân số trẻ.
C. Dân cư phân bố đồng đều giữa thành thị và nông thôn.
D. Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi có biến đổi nhanh chóng.

Câu 3. Cảnh quan rừng thưa nhiệt đới khô được hình thành nhiều nhất ở vùng nào?

- A. Tây Nguyên. B. Ven biển Bắc Trung Bộ.
C. Duyên hải Nam Trung Bộ. D. Nam Bộ.

Câu 4. Mùa bão ở nước ta bắt đầu và kết thúc vào thời gian nào sau đây?

- A. Từ tháng VI đến tháng IX. B. Từ tháng VI đến tháng XII.
C. Từ tháng V đến tháng X. D. Từ tháng VIII đến tháng VII.

Câu 5. Kiểu thời tiết điển hình của Nam Bộ nước ta trong thời gian từ tháng XI đến tháng IV năm sau là

- A. nắng, ổn định, tạnh ráo. B. nắng, nóng, trời nhiều mây.
C. nắng nóng và mưa nhiều. D. nắng, ít mây và mưa nhiều.

Câu 6. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết lát cắt A - B từ Thành phố Hồ Chí Minh đến sông Cái đi qua đỉnh núi nào sau đây?

- A. Bi Doup. B. Lang Bian. C. Chứa Chan. D. Chư Yang Sin.

Câu 7. Khí hậu miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có đặc điểm nào sau đây?

- A. Tính chất ôn hòa. B. Khô hạn quanh năm.
C. Nóng, ẩm quanh năm. D. Tính chất cận xích đạo.

Câu 8. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết núi nào sau đây không thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

- A. Kiều Liêu Ti. B. Tây Côn Lĩnh. C. Phu Luông. D. Pu Tha Ca.

Câu 9. Biện pháp nhằm bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ở nước ta là

- A. bảo vệ rừng, trồng rừng trên đất trống, đồi núi trọc.
B. bảo vệ cảnh quan, đa dạng sinh học các vườn quốc gia.
C. áp dụng các biện pháp canh tác hợp lí trên đất dốc.
D. đảm bảo quy trì phát triển diện tích và chất lượng rừng.

Câu 10. Phát biểu nào sau đây không phải là đặc điểm của phần lãnh thổ phía Bắc nước ta?

- A. Có một mùa khô sâu sắc kéo dài. B. Biên độ nhiệt độ trung bình năm lớn.
C. Thời tiết thường diễn biến phức tạp. D. Trong năm có một mùa đông lạnh.

Câu 11. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết nhận xét nào sau đây đúng nhất về đặc điểm địa hình miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

- A. Chủ yếu là đồi núi thấp, hướng vòng cung, bờ biển phẳng và kéo dài.
B. Địa hình núi đồ sộ nhất nước ta, hướng vòng cung, bờ biển khúc khuỷu.
C. Chủ yếu là đồi núi thấp, hướng vòng cung, đồng bằng rộng, bờ biển khúc khuỷu.
D. Nhiều cao nguyên đá vôi xen lẫn núi thấp, đồng bằng hẹp, bờ biển khúc khuỷu.

Câu 12. Phân bố dân cư không hợp lí đã ảnh hưởng như thế nào đến phát triển kinh tế của nước ta?

- A. Khó khăn cho việc khai thác tài nguyên thiên nhiên.
B. Khó khăn cho vấn đề việc làm và nhà ở. D. Gây ô nhiễm môi trường ở tất cả các vùng.
C. Khó khăn để nâng cao mức sống cho người lao động.

Câu 13. Vị trí địa lí làm cho nước ta phải giải quyết vấn đề kinh tế nào sau đây?

- A. Cạnh tranh gay gắt từ các nước trong khu vực. B. Nợ nước ngoài nhiều và tăng nhanh.
C. Trình độ phát triển kinh tế rất thấp. D. Tốc độ tăng trưởng kinh tế không ổn định.

Câu 14. Ba dải địa hình cùng chạy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam ở Tây Bắc là

- A. Các sơn nguyên và cao nguyên, Hoàng Liên Sơn, Phan-xi-păng.
- B. Hoàng Liên Sơn, Phan-xi-păng, núi dọc biên giới Việt - Lào.
- C. Núi dọc biên giới Việt - Lào, Phan-xi-păng, các sơn nguyên và cao nguyên.
- D. Hoàng Liên Sơn, núi dọc biên giới Việt Lào, các sơn nguyên và cao nguyên.

Câu 15. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hình thể, cho biết đỉnh núi nào sau đây cao nhất ở dãy Trường Sơn Nam?

- A. Chư Yang Sin.
- B. Nam Decbri.
- C. Kon Ka Kinh.
- D. Ngọc Linh.

Câu 16. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào sau đây có quy mô dân số từ 500 001 - 100 0000 người?

- A. Quảng Ngãi.
- B. Hải Phòng.
- C. Biên Hòa.
- D. Thái Nguyên.

Câu 17. Để chống xói mòn trên đất dốc ở vùng đồi núi, về mặt kĩ thuật canh tác cần thực hiện biện pháp

- A. cải tạo đất hoang, đồi núi trọc.
- B. bảo vệ rừng và đất rừng.
- C. trồng cây theo băng, làm ruộng bậc thang.
- D. ngăn chặn nạn du canh, du cư.

Câu 18. Miền Bắc ở độ cao trên 600 - 700 m, miền Nam phải trên độ cao 900 - 1000m mới có khí hậu cận nhiệt đới chủ yếu vì

- A. miền Bắc mưa nhiều hơn
- B. địa hình miền Bắc cao hơn.
- C. nhiệt độ trung bình miền Nam cao hơn.
- D. miền Bắc giáp biển nhiều hơn miền Nam.

Câu 19. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khoáng sản, cho biết than đá tập trung nhiều nhất ở vùng nào sau đây?

- A. Đông Bắc.
- B. Đồng bằng sông Hồng.
- C. Tây Bắc.
- D. Tây Nguyên.

Câu 20. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết phát biểu nào sau đây đúng về sự phân bố dân cư nước ta?

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ có mật độ dân số thấp nhất cả nước.
- B. Đồng bằng sông Hồng có mật độ dân số cao nhất cả nước.
- C. Trung du có mật độ dân số thấp hơn miền núi.
- D. Đồng bằng có mật độ dân số thấp hơn trung du.

Câu 21. Việc trồng rừng ven biển ở Bắc Trung bộ có tác dụng chính là

- A. hạn chế tác hại của lũ.
- B. hạn chế sự di chuyển của cồn cát.
- C. điều hòa nguồn nước.
- D. chống xói mòn, rửa trôi.

Câu 22. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG VÀ NĂNG SUẤT LÚA CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM

Năm	2000	2004	2006	2010	2018
Diện tích (nghìn ha)	7 666,3	7 445,3	7 324,8	7 489,4	7 571,8
Năng suất (tạ/ha)	42,4	48,6	48,9	53,4	58,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và năng suất lúa của nước ta, giai đoạn 2000 - 2018, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Miền.
- B. Kết hợp.
- C. Tròn.
- D. Đường.

Câu 23. Gió mùa đông bắc xuất phát từ

- A. áp cao Xibia.
- B. vùng núi cao.
- C. biển Đông.
- D. Ấn Độ Dương.

Câu 24. Cho bảng số liệu:

MỘT SỐ CHỈ SỐ VỀ NHIỆT ĐỘ CỦA HÀ NỘI VÀ TP. HỒ CHÍ MINH (°C).

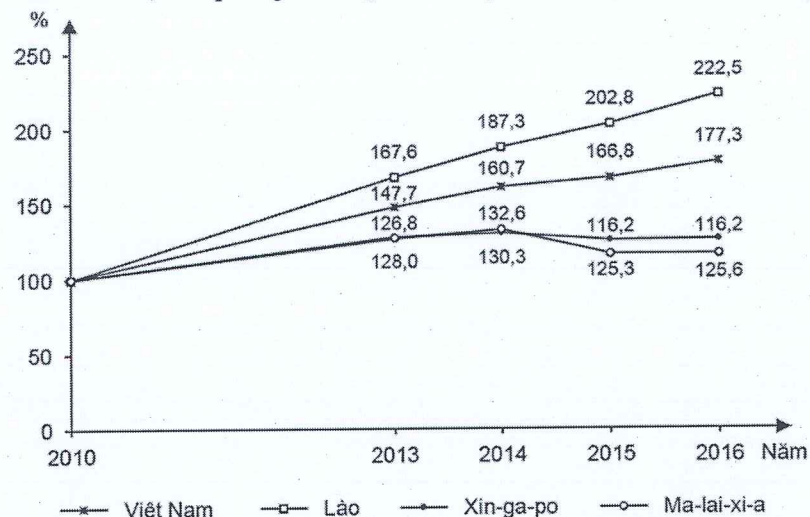
Địa điểm	Nhiệt độ trung bình năm	Biên độ nhiệt độ trung bình năm
Hà Nội	23,5	12,5
TP. Hồ Chí Minh	27,5	3,1

(Nguồn: SGK Địa lí lớp 12, trang 45)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây là **không** đúng với chế độ nhiệt của Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh?

- A. Biên độ nhiệt trung bình năm giảm dần từ Hà Nội vào TP. Hồ Chí Minh.
- B. Biên độ nhiệt độ trung bình năm TP. Hồ Chí Minh thấp hơn Hà Nội.
- C. Nhiệt độ trung bình năm giảm dần từ Hà Nội vào TP. Hồ Chí Minh.
- D. Nhiệt độ trung bình năm Hà Nội thấp hơn TP. Hồ Chí Minh.

Câu 25. Cho biểu đồ về GDP của một số quốc gia Đông Nam Á, giai đoạn 2010 - 2016



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Giá trị GDP của một số quốc gia Đông Nam Á.
- B. Cơ cấu GDP của một số quốc gia Đông Nam Á.
- C. Chuyển dịch cơ cấu GDP của một số quốc gia Đông Nam Á.
- D. Tốc độ tăng trưởng GDP của một số quốc gia Đông Nam Á.

Câu 26. Gió đầu mùa hạ hoạt động gây mưa lớn cho vùng

- A. Nam Bộ và Bắc Trung Bộ.
- B. Tây nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ.
- C. Nam Bộ và Tây Nguyên.
- D. Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 27. Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN VÀ TỐC ĐỘ GIA TĂNG DÂN SỐ TỰ NHIÊN CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM

Năm	Tổng số dân (nghìn người)	Trong đó dân thành thị (nghìn người)	Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên (%)
2000	77 631	18 772	1,36
2005	82 392	22 332	1,31
2010	86 947	26 515	1,03
2015	91 713	31 131	0,94
2017	93 672	32 813	0,79

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

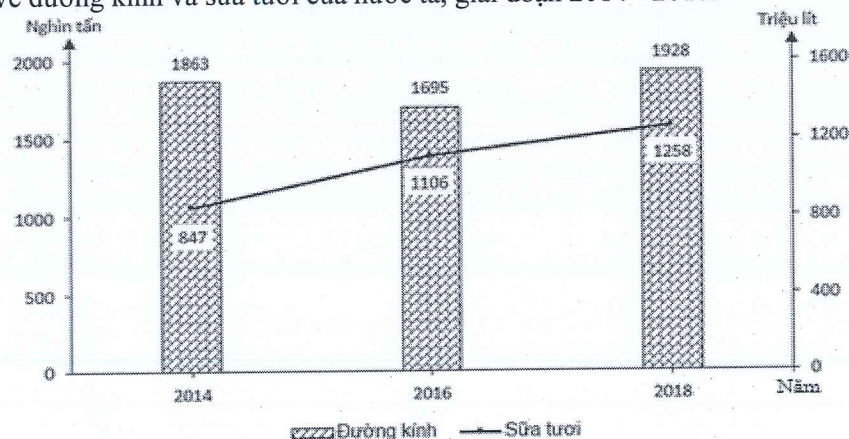
Theo bảng số liệu, để thể hiện được tổng số dân, số dân thành thị và tốc độ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta qua các năm, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Đường.
- B. Tròn.
- C. Kết hợp.
- D. Miền.

Câu 28. Vùng nào sau đây chịu ngập úng nghiêm trọng nhất nước ta?

- A. Đồng bằng sông Cửu Long.
- B. Bắc Trung Bộ.
- C. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 29. Cho biểu đồ về đường kính và sữa tươi của nước ta, giai đoạn 2014 - 2018:



Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Cơ cấu sản lượng đường kính và sữa tươi.
- B. Tốc độ tăng trưởng sản lượng đường kính và sữa tươi.
- C. Chuyển dịch cơ cấu sản lượng đường kính và sữa tươi.
- D. Quy mô sản lượng đường kính và sữa tươi.

Câu 30. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Thực vật và động vật, cho biết rừng ôn đới núi cao có ở vùng nào sau đây?

- A. Tây Bắc.
- B. Bắc Trung Bộ.
- C. Đông Bắc.
- D. Tây Nguyên.

Câu 31. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào sau đây là đô thị loại 1?

- A. Hà Nội.
- B. Nam Định.
- C. Việt Trì.
- D. Hải Phòng.

Câu 32. Đặc điểm nổi bật của thiên nhiên miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ nước ta là

- A. khí hậu cận xích đạo gió mùa với nền nhiệt độ cao quanh năm.
- B. địa hình cao, các dãy núi xen thung lũng sông có hướng tây bắc - đông nam.
- C. đồi núi thấp chiếm ưu thế với các dãy núi có hướng vòng cung.
- D. gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh, tạo nên mùa đông lạnh nhất ở nước ta.

Câu 33. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào sau đây có đường biên giới dài nhất với Lào?

- A. Hà Tĩnh.
- B. Quảng Nam.
- C. Nghệ An.
- D. Quảng Trị.

Câu 34. Gia tăng dân số nhanh không dẫn đến hậu quả nào?

- A. Thay đổi cơ cấu dân số giữa thành thị và nông thôn.
- B. Ảnh hưởng của việc nâng cao chất lượng cuộc sống.
- C. Tạo sức ép lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội.
- D. Làm suy giảm tài nguyên thiên nhiên và môi trường.

Câu 35. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết nhận định nào sau đây đúng nhất về đặc điểm địa hình của vùng núi Trường Sơn Nam?

- A. Gồm các cánh cung song song với nhau.
- B. Gồm các khối núi và cao nguyên.
- C. Nhiều dãy núi theo hướng Tây Bắc - Đông Nam.
- D. Địa hình cao nhất cả nước.

Câu 36. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết vùng khí hậu nào sau đây thuộc miền khí hậu phía Nam?

- A. Vùng khí hậu Nam Trung Bộ.
- B. Vùng khí hậu Đông Bắc Bộ.
- C. Vùng khí hậu Bắc Trung Bộ.
- D. Vùng khí hậu Trung và Nam Bắc Bộ.

Câu 37. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào sau đây là đô thị đặc biệt?

- A. Đà Nẵng.
- B. Hải Phòng.
- C. Hà Nội.
- D. Cần Thơ.

Câu 38. Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á, NĂM 2019

(Đơn vị: Triệu USD)

Quốc gia	Xuất khẩu	Nhập khẩu
Ma-lai-xi-a	3 788,8	7 290,9
Phi-li-pin	3 729,7	1 577,4
Xin-ga-po	3 197,8	4 091,0
Thái Lan	5 272,1	11 655,6

(Nguồn: theo Niên giám thống kê Việt Nam sơ bộ 2019)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng với cán cân xuất khẩu, nhập khẩu của các quốc gia, năm 2019?

- A. Các quốc gia xuất siêu là Ma-lai-xi-a, Phi-li-pin, Xin-ga-po.
- B. Các quốc gia nhập siêu là Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, Thái Lan.
- C. Các quốc gia xuất siêu là Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, Thái Lan.
- D. Các quốc gia nhập siêu là Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, Phi-li-pin.

Câu 39. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết dãy núi nào sau đây không có hướng tây bắc - đông nam?

- A. Trường Sơn Bắc.
- B. Đông Triều.
- C. Hoàng Liên Sơn.
- D. Pu Đen Đinh.

Câu 40. Sự phân hóa thiên nhiên của vùng biển - thềm lục địa, vùng đồng bằng ven biển và vùng đồi núi là biểu hiện của sự phân hóa theo chiều

- A. Bắc - Nam.
- B. Đông - Tây.
- C. Độ cao.
- D. Tây - Đông.

----- HẾT -----